TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2019/KDTM-ST
Ngày 25-02-2019
V/v trA chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Ninh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hạnh

Bà Phạm Thị Bích Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lan Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2018/TLST-KDTM ngày 18 tháng 6 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2018/QĐXXST-KDTM ngày 28 tháng 12 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2019/QĐST-KDTM ngày 25 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP T (sau đây gọi tắt là Ngân hàng T); địa chỉ trụ sở: Tòa nhà TP Bank số 57 L, quận H, thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hoàng Ngọc C, chuyên viên chính Phòng xử lý nợ Miền Bắc - Khối pháp chế và xử lý nợ của Ngân hàng T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền số 038/2018/GUQ-TPB.LC ngày 19/3/2018). có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Đ (sau đây gọi tắt là Công ty Đ); địa chỉ: Số 1 ngách 18/440 C, phường D, Quận L, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Trương Thị Hồng Đ - Giám đốc Công ty Đ là người đại diện theo pháp luật, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Bùi Tuấn A và bà Trương Thị Hồng Đ; cùng trú tại: Số 155 H, phường A, Quận L, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn Ngân hàng T và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng T trình bày:

Ngày 27/10/2011, Ngân hàng T và Công ty Đ có ký hợp đồng tín dụng số 44-10.11/HĐTDHM/TPB.HPG với các nội dung như sau: Hạn mức cho vay là 780.000.000 đồng; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho công ty; thời hạn cho vay là không quá 6 tháng kể từ ngày nhận nợ.

Lãi suất trong hợp đồng tín dụng được tính như sau: Lãi suất vay trong hạn: Lãi suất áp dụng theo từng lần giải ngân thay đổi theo quy định của Ngân hàng T. Lãi suất vay quá hạn: Đối với nợ gốc bằng 150% lãi suất vay trong hạn tính trên số tiền gốc bị quá hạn và số ngày chậm trả; đối với nợ lãi vốn vay quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn tính trên số nợ lãi vay quá hạn và số ngày chậm trả nhưng tối đa không quá 5% trên tổng số nợ lãi vốn vay quá hạn.

Phương thức trả nợ: Trả lãi hàng tháng vào ngày 26 của tháng; tất toán toàn bộ khoản vay (bao gồm nợ gốc và nợ lãi của tháng cuối cùng) vào cuối kỳ.

Tài sản đảm bảo cho hợp đồng tín dụng là giá trị quyền sử dụng và sở hữu thửa đất số 165, tờ bản đồ số 29, mục đích sử dụng: Đất ở đô thị; diện tích 50 m2 và tài sản gắn liền với đất: Nhà ở 02 tầng, tường gạch, mái bê tông, nền gạch men; diện tích 100 m2, địa chỉ: Số 01/20/440 C, phường D, Quận L, thành phố Hải Phòng; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB599649 vào sổ cấp GCN số CH00496/DHK do UBND Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng cấp ngày 13/9/2010 cho ông Bùi Tuấn A và bà Trương Thị Hồng Đ.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, vào ngày 22/12/2011 Ngân hàng T đã thực hiện giải ngân cho Công ty Đ số tiền là 450.000.000 đồng theo giấy nhận nợ ngày 22/12/2011. Sau đó ngày 12/5/2012 Công ty Đ đã trả cho Ngân hàng T số tiền nợ gốc 140.000.000 đồng. Vì vậy, vào ngày 14/5/2012 Ngân hàng T lại

tiếp tục giải ngân cho Công ty Đ số tiền là 470.000.000 đồng theo giấy nhận nợ số 03 ngày 14/5/2012. Từ ngày vay đến ngày 12/5/2012, Công ty Đ trả nợ theo đúng hợp đồng tín dụng; cụ thể: Số tiền nợ lãi đã trả là 39.339.821 đồng; nợ gốc là 140.000.000 đồng. Từ sau ngày 12/5/2012 đến nay, Công ty Đ liên tục vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng. Ngân hàng T đã nhiều lần làm việc, đôn đốc nhưng Công ty Đ không trả nợ cho Ngân hàng T theo đúng với hợp đồng tín dụng đã ký.

Do Công ty Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng T yêu cầu Tòa án giải quyết các yêu cầu sau:

Tại đơn khởi kiện Ngân hàng T yêu cầu Tòa án buộc Công ty Đ phải trả cho Ngân hàng T tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 15/3/2018 là 2.151.359.701đ (Hai tỷ, một trăm năm mươi mốt triệu, ba trăm năm mươi chín nghìn bảy trăm linh mốt đồng) trong đó nợ gốc là 780.000.000đ (bảy trăm tám mươi triệu đồng), nợ lãi là 1.371.359.701đ (một tỷ, ba trăm bảy mươi mốt triêu, ba trăm năm mươi chín nghìn bảy trăm linh một đồng) và khoản nợ lãi, tiền phạt phát sinh từ ngày 16/3/2018 đến thời điểm tất toán toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo quy định của hợp đồng tín dụng đã ký.

Tại phiên tòa, Ngân hàng T yêu cầu Tòa án buộc Công ty Đ phải trả cho Ngân hàng T tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 25/02/2019 là 2.378.682.729 đ (hai tỷ, ba trăm bảy mươi tám triệu, sáu trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm hai mươi bảy đồng) trong đó nợ gốc là 780.000.000đ (bảy trăm tám mươi triệu đồng), nợ lãi trong hạn là 51.940.762đ (năm mươi mốt triệu, chín trăm bốn mươi nghìn, bảy trăm sáu mươi hai đồng), nợ lãi quá hạn là 1.454.518.708đ (một tỷ, bốn trăm năm mươi tư triệu, năm trăm mười tám nghìn, bảy trăm linh tám đồng), tiền phạt là 92.223.259đ (chín mươi hai triệu, hai trăm hai mươi ba nghìn, hai trăm năm mươi chín đồng) và khoản nợ lãi, tiền phạt phát sinh từ ngày 26/02/2018 đến thời điểm tất toán toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo quy định của hợp đồng tín dụng đã ký. Đối với khoản tiền phạt tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng T đã yêu cầu nhưng không ghi rõ mà đã tính chung vào khoản nợ lãi.

- Trường hợp Công ty Đ không trả được hết khoản nợ nêu trên, Ngân hàng T yêu cầu Tòa án tuyên bố phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thA toán nghĩ vụ trả nợ của Công ty Đ đối với Ngân hàng T. Nếu số tiền thu được từ bán/ xử lý tài sản bảo đảm không đủ thA toán hết khoản nợ thì Công ty Đ vẫn có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng T.

Tại phiên tòa, bị đơn Công ty Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Tuấn A và bà Trương Thị Hồng Đ vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy báo, thông báo về

phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật; bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 121, Điều 122, Điều 342, Điều 343, Điều 344, Điều 355, Điều 471, Điều 474, Điều 476, 715 và Điều 721 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng:

Chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần T: Buộc Công ty TNHH Thương mại và xuất nhập khẩu Đ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần T tổng số tiền là 2.286.459.470 đồng (trong đó nợ gốc là 780.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 51.940.762 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.454.518.708 đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần T đối với khoản tiền phạt là 92.223.259đ (chín mươi hai triệu, hai trăm hai mươi ba nghìn, hai trăm năm mươi chín đồng) do hợp đồng tín dụng ký kết giữa các bên không có thỏa thuận.

Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Ngân hàng T phải chịu án phí kinh doA thương mại đối với yêu cầu về khoản tiền phạt của Ngân hàng T do không được chấp nhận. Công ty Đ phải chịu án phí kinh doA thương mại đối với yêu cầu của Ngân hàng T về khoản nợ gốc, nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả trA tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Vụ án kinh doA thương mại về việc trA chấp hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn Ngân hàng T và bị đơn Công ty Đ khởi kiện trong thời hạn luật định và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, Hải Phòng. Tranh chấp phát sinh giữa các bên là tranh chấp hợp đồng tín dụng được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Quận Lê Chân giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn Công ty Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Tuấn A và bà Trương Thị Hồng Đ vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ lần thứ hai. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

- Về nội dung:

[3] Hợp đồng tín dụng số 44-10.11/HĐTDHM/TPB.HPG ngày 27/10/2011 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn tuân thủ các quy định của pháp luật (Điều 121, Điều 122 Bộ luật Dân sự năm 2005) khi giao kết nên là hợp đồng hợp pháp. Do vậy làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong những hợp đồng này.

[4] Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng T đã thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng và đã thực hiện việc giải ngân theo đúng các cam kết cho bị đơn, cụ thể: Vào ngày 22/12/2011 Ngân hàng T đã thực hiện giải ngân cho Công ty Đ số tiền là 450.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ ngày 22/12/2011. Sau đó, đến ngày 12/5/2012, Công ty Đ đã trả cho Ngân hàng T số tiền nợ gốc 140.000.000 đồng. Vì vậy, vào ngày 14/5/2012 Ngân hàng T lại tiếp tục giải ngân cho Công ty Đ số tiền là 470.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ số 03 ngày 14/5/2012. Về phía bị đơn, Công ty Đ đã trả được cho Ngân hàng T số tiền nợ gốc là 140.000.000 đồng và nợ lãi là 39.339.821 đồng. Tuy nhiên, sau ngày 12/5/2012 đến nay, Công ty Đ liên tục vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng T. Ngân hàng T đã nhiều lần làm việc, đôn đốc nhưng Công ty Đ không trả nợ cho Ngân hàng T theo đúng với hợp đồng tín dụng đã ký. Nay Ngân hàng T yêu cầu Tòa án buộc Công ty Đ phải trả cho Ngân hàng T tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 25/02/2019 là 2.378.682.729 đ (hai tỷ, ba trăm bảy mươi tám triệu, sáu trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm hai mươi bảy đồng) trong đó nợ gốc là 780.000.000đ (bảy trăm tám mươi triệu đồng), nợ lãi trong hạn là 51.940.762đ (năm mươi mốt triệu, chín trăm bốn mươi nghìn, bảy trăm sáu mươi hai đồng), nợ lãi quá hạn là 1.454.518.708đ (một tỷ, bốn trăm năm mươi tư triệu, năm trăm mười tám nghìn, bảy trăm linh tám đồng), tiền phạt là 92.223.259đ (chín mươi hai triệu, hai trăm hai mươi ba nghìn, hai trăm năm mươi chín đồng). Hội

đồng xét xử nhận định đối với yêu cầu của Ngân hàng T về việc buộc Công ty Đ phải trả cho Ngân hàng T số tiền nợ gốc là 780.000.000đ (bảy trăm tám mươi triệu đồng), nợ lãi trong hạn là 51.940.762đ (năm mươi mốt triệu, chín trăm bốn mươi nghìn, bảy trăm sáu mươi hai đồng), nợ lãi quá hạn là 1.454.518.708đ (một tỷ, bốn trăm năm mươi tư triệu, năm trăm mười tám nghìn, bảy trăm linh tám đồng) là hoàn toàn đúng các quy định của pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải có trách nhiệm thA toán cho nguyên đơn tính đến hết 25/02/2019 là 2.286.459.470 đồng (trong đó nợ gốc là 780.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 51.940.762 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.454.518.708 đồng). Đồng thời Công ty Đ phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thA toán xong toàn bộ các khoản nợ theo hợp đồng. Riêng đối với yêu cầu của Ngân hàng T về việc buộc Công ty Đ phải trả cho Ngân hàng khoản tiền phạt là 92.223.259 đồng, Hội đồng xét xử nhận định căn cứ hợp đồng tín dụng ký kết giữa các bên không có thỏa thuận về khoản tiền phạt nên đối với yêu cầu này của Ngân hàng T là không có căn cứ vì vậy không có cơ sở chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu phát mại tài sản của Ngân hàng T trong trường hợp Công ty Đ không trả được các khoản nợ, Hội đồng xét xử nhận định các hợp đồng thế chấp tài sản giữa Ngân hàng T và Công ty Đ, ông Bùi Tuấn A, bà Trương Thị Hồng Đ được thỏa thuận, ký kết bởi những người có đủ thẩm quyền, được chứng nhận bởi cơ quan công chứng và đăng ký thế chấp theo quy định của pháp luật. Đến hạn trả nợ Công ty Đ không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ được bảo đảm theo hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng T yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Ngân hàng T phải chịu án phí kinh doA thương mại đối với yêu cầu về khoản tiền phạt của Ngân hàng T do không được chấp nhận. Công ty Đ phải chịu án phí kinh doA thương mại đối với yêu cầu của Ngân hàng T về khoản nợ gốc, nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 121, Điều 122, Điều 342, Điều 343, Điều 344, Điều 355, Điều 471, Điều 474, Điều 476, 715 và Điều 721 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

* Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần T.

Buộc Công ty TNHH Thương mại và xuất nhập khẩu Đ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần T tổng số tiền là 2.286.459.470 đồng (hai tỷ, hai trăm tám mươi sáu triệu, bốn trăm năm mươi chín nghìn, bốn trăm bảy mươi đồng) (trong đó nợ gốc là 780.000.000đ (bảy trăm tám mươi triệu đồng), nợ lãi trong hạn là 51.940.762đ (năm mươi mốt triệu, chín trăm bốn mươi nghìn, bảy trăm sáu mươi hai đồng), nợ lãi quá hạn là 1.454.518.708đ (một tỷ, bốn trăm năm mươi tư triệu, năm trăm mười tám nghìn, bảy trăm linh tám đồng)). Đồng thời Công ty TNHH Thương mại và xuất nhập khẩu Đ tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thA toán xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần T cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thA toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần T cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần T cho vay.

Trường hợp Công ty TNHH Thương mại và xuất nhập khẩu Đ không thanh toán trả nợ được cho Ngân hàng thương mại cổ phần T thì Ngân hàng thương mại cổ phần T có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ bao gồm:

Giá trị quyền sử dụng và sở hữu thửa đất số 165, tờ bản đồ số 29, mục đích sử dụng: Đất ở đô thị; diện tích 50 m2 và tài sản gắn liền với đất: Nhà ở 02 tầng, tường gạch, mái bê tông, nền gạch men; diện tích 100 m2, địa chỉ: Số 01/20/440 C, phường D, Quận L, thành phố Hải Phòng; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB599649 vào sổ cấp GCN số CH00496/DHK do UBND Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng cấp ngày 13/9/2010 cho ông Bùi Tuấn A và bà Trương Thị Hồng Đ.

Thứ tự thA toán tiền thu được từ việc bán tài sản thế chấp được thực hiện theo quy định cụ thể tại các hợp đồng thế chấp. Nếu số tiền bán tài sản lớn hơn khoản nợ phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần T thì phần chênh lệch sẽ trả lại cho bên thế chấp. Tài sản thế chấp sau khi được xử lý nếu không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Công ty TNHH Thương mại và xuất nhập khẩu Đ phải tiếp tục hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đã cam kết.

* Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần T đối với khoản tiền phạt là 92.223.259đ (chín mươi hai triệu, hai trăm hai mươi ba nghìn, hai trăm năm mươi chín đồng).

- Về án phí: Công ty TNHH Thương mại và xuất nhập khẩu Đ phải nộp 77.729.189đ (bảy mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn một trăm tám mươi chín đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Ngân hàng thương mại cổ phần T phải nộp 4.611.162đ (bốn triệu sáu trăm mười một nghìn một trăm sáu mươi hai đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước nhưng được tính khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 37.510.000 đ (ba mươi bảy triệu năm trăm mười nghìn đồng) mà Ngân hàng thương mại cổ phần T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự Quận Lê Chân theo biên lai thu số 0012552 ngày 15/6/2018. Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần T số tiền tạm ứng án phí là 32.898.838 đ (ba mươi hai triệu tám trăm chín mươi tám nghìn tám trăm ba mươi tám đồng).

Ngân hàng thương mại cổ phần T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty TNHH Thương mại và xuất nhập khẩu Đ, ông Bùi Tuấn A và bà Trương Thị Hồng Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

- *Về quyền yêu cầu thi hành án*: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Quận Lê Chân;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Nam Ninh